TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05-7-2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nhường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Chấn.

Ông Phạm Văn Chữ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 315/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1991; trú tại thôn Vành Dây, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nịnh Thị D, sinh năm 1998; trú tại thôn Vành Dây, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2021, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là anh Hoàng Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nịnh Thị D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào tháng 4/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang vào ngày 28/7/2016. Sau khi kết hôn, chị D về nhà anh làm dâu ngay và sống chung tại thôn V, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Thời

gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn, vợ chồng không sống chung với nhau và ly thân từ năm 2021 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung về nhiều vấn đề trong cuộc sống. Trong thời gian ly thân vợ chồng không liên lạc, hỏi thăm gì nhau, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị D.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Hoàng Thiên B, sinh ngày 27/3/2015 và Hoàng Thị Mỹ C, sinh ngày 04/8/2016. Nay ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao hai con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu chị D đóng góp phí tổn nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, chị Nịnh Thị D trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang vào ngày 28/7/2016. Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay anh T xin ly hôn, chị thấy vợ chồng không thể quay lại đoàn tụ nên nhất trí ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Hoàng Thiên B, sinh ngày 27/3/2015 và Hoàng Thị Mỹ C, sinh ngày 04/8/2016. Nay ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao hai con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hoàng Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn chị Nịnh Thị D và xin nhận nuôi hai con chung của vợ chồng. Bị đơn chị Nịnh Thị D vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của chị D tại phiên tòa, anh T không có ý kiến gì về lời trình bày của chị D.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho anh Hoàng Văn T được ly hôn chị Nịnh Thị D. Về con chung: Giao anh Hoàng Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung của vợ chồng là Hoàng

Thiên B, sinh ngày 27/3/2015 và Hoàng Thị Mỹ C, sinh ngày 04/8/2016. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ: Anh Hoàng Văn T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc anh T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Hoàng Văn T có đơn xin ly hôn đối với chị Nịnh Thị D. Bị đơn chị Nịnh Thị D có hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử xác định: Về quan hệ pháp luật đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho chị Nịnh Thị D theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn đã ghi đúng, đầy đủ địa chỉ của bị đơn. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay chị Nịnh Thị D vẫn có hộ khẩu tại thôn V, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tại phiên tòa hôm nay, chị Nịnh Thị D vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt chị Nịnh Thị D.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Anh Hoàng Văn T kết hôn với chị Nịnh Thị D trên cơ sở có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 7 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Anh chị chung sống được thời gian đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung về nhiều vấn đề trong cuộc sống, đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

[4] Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân của anh Hoàng Văn T và chị Nịnh Thị D là hợp pháp. Hiện nay anh Hoàng Văn T và chị Nịnh Thị D không còn sống chung cùng nhau, không ai quan tâm đến ai. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả anh Hoàng Văn T và chị Nịnh Thị D đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng

mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Hoàng Văn T và chị Nịnh Thị D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Hoàng Văn T được ly hôn chị Nịnh Thị D.

[5] Về con chung: Anh Hoàng Văn T và chị Nịnh Thị D có hai con chung là Hoàng Thiên B, sinh ngày 27/3/2015 và Hoàng Thị Mỹ C, sinh ngày 04/8/2016. Hội đồng xét xử xét thấy: Hai con chung đang sống cùng anh Hoàng Văn T, các cháu phát triển bình thường, khỏe mạnh. Anh T có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung của vợ chồng. Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án chị Nịnh Thị D không có mặt tại gia đình, không trực tiếp nuôi dưỡng con chung được. Hơn nữa, tại Bản tự khai ngày 24 tháng 3 năm 2022, cháu Hoàng Thiên B trình bày nếu bố mẹ ly hôn thì cháu muốn ở với bố. Do đó để đảm bảo quyền lợi của các con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao hai con chung là cháu Hoàng Thiên B, sinh ngày 27/3/2015 và Hoàng Thị Mỹ C, sinh ngày 04/8/2016 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Nịnh Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Hoàng Văn T không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): Anh Hoàng Văn T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn T được ly hôn chị Nịnh Thị D.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Hoàng Thiên B, sinh ngày 27/3/2015 và Hoàng Thị Mỹ C, sinh ngày 04/8/2016 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi hoặc

đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Nịnh Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Hoàng Văn T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010547 ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Hoàng Văn T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Hoàng Văn T được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn chị Nịnh Thị D không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký) Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn

Nguyễn Đức Nhường